

Số: 06/2022/BTT-MAC  
(Việc: CBTT báo cáo TC kiểm toán 2021)

Hải phòng, ngày 5 tháng 4 năm 2022

**Kính gửi:** Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật Hàng Hải.
2. Mã chứng khoán: MAC.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0225.3766561 Fax: 0225.3765671.
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Trịnh Thị Thu Trang.
6. Loại thông tin công bố: định kỳ  bất thường  theo yêu cầu
7. Nội dung của thông tin công bố:
  - Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.
  - Bản giải trình số liệu.
8. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 5/4/2022 tại đường dẫn: [maserco.com.vn](http://maserco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

- Tài liệu đính kèm:
  - BCTC 2021
  - Giải trình số liệu

Người được ủy quyền



Trịnh Thị Thu Trang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG  
VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>13 - 35</b>
<b>8. Phụ lục Báo cáo tài chính Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh</b>	<b>36 - 40</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải 1, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200563063, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp bổ sung 17 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : (0225) 3766.561
- Fax : (0225) 3765.671

Công ty chỉ có 01 Chi nhánh đặt tại địa chỉ số 97/48 khu phố 5, đường Số 8, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Ông Tạ Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Phúc Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Việt Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Mỹ Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Đỗ Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Việt Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thị Hoàng Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Trịnh Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thanh Nhân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021
	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2021
Bà Trần Thị Kim Ngân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021
Ông Đặng Mỹ Dương	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2021

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
Bà Trần Thanh Nhân	Giám đốc	Từ ngày 09 tháng 12 năm 2021 đến nay
Bà Trần Thị Kim Ngân	Giám đốc	Từ ngày 07 tháng 5 năm 2021 đến ngày 09 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 06 tháng 5 năm 2021

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Thanh Nhân

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn  
Số: 2.0396/22/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) (xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.5b). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp trong năm 2021 để đưa ra ý kiến về kết quả cần ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2021 (nếu có) liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại Thuyết minh số VII.3 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính và Phụ lục Báo cáo tài chính, được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 xét trên phương diện tổng thể.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

002-C  
ANH  
TY  
HỮU H  
TƯ V  
C  
NỘI  
TP. H

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.216.518.475</b>	<b>99.307.343.882</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>13.177.989.742</b>	<b>8.958.328.543</b>
1. Tiền	111		13.177.989.742	6.958.328.543
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.485.680.745</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.485.680.745	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.933.054.650</b>	<b>67.463.555.006</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42.116.878.581	60.687.364.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.060.134.133	5.355.898.017
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		415.322.125	787.261.606
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.452.865.420	25.828.156.145
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.112.145.609)	(25.195.124.960)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.195.504.553</b>	<b>19.277.549.589</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.195.504.553	19.277.549.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>424.288.785</b>	<b>607.910.744</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	270.507.589	586.295.089
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	153.781.196	21.615.655
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.836.572.692</b>	<b>104.712.849.541</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>35.034.722.100</b>	<b>35.053.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		34.722.100	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000.000	35.053.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.148.827.417</b>	<b>32.605.786.304</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	24.321.759.417	30.380.906.304
<i>Nguyên giá</i>	222		65.541.576.474	66.994.014.577
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41.219.817.057)	(36.613.108.273)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.827.068.000	2.224.880.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.662.692.000	2.662.692.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(835.624.000)	(437.812.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>1.068.000.000</b>	<b>1.347.638.346</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.068.000.000	1.347.638.346
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>40.212.621.393</b>	<b>34.670.245.250</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	9.500.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	34.327.924.662	34.327.924.662
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(4.255.303.269)	(657.679.412)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	640.000.000	1.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>372.401.782</b>	<b>1.035.979.641</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	372.401.782	1.035.979.641
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>180.053.091.167</b>	<b>204.020.193.423</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.303.035.376</b>	<b>49.232.638.339</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.303.035.376</b>	<b>49.232.638.339</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	11.159.276.929	10.817.539.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		95.878.760	10.129.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	842.836.711	1.821.043.752
4. Phải trả người lao động	314		1.263.576.574	1.956.999.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.220.954.057	632.285.788
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	23.602.280.803	22.499.599.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.485.097.966	10.516.613.340
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	633.133.576	978.426.986
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.750.055.791</b>	<b>154.787.555.084</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>139.750.055.791</b>	<b>154.787.555.084</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.397.450.000	151.397.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.397.450.000	151.397.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(643.572.900)	(643.572.900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.692.992.406	14.358.670.416
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		22.862.255	22.862.255
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.719.675.970)	(10.347.854.687)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.016.498.667)	(10.347.854.687)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.703.177.303)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>180.053.091.167</b>	<b>204.020.193.423</b>

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga



Trần Thanh Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	89.629.641.968	115.712.401.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.629.641.968	115.712.401.321
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.930.270.853	101.038.103.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.699.371.115	14.674.298.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	607.429.559	1.737.676.220
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.206.866.705	2.007.827.067
Trong đó: chi phí lãi vay	23		465.263.422	1.561.493.242
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	509.493.262	509.366.662
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.919.809.049	18.639.898.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.329.368.342)	(4.745.117.985)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	305.962.251	441.571.994
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.679.771.212	24.411.831
13. Lợi nhuận khác	40		(1.373.808.961)	417.160.163
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.703.177.303)	(4.327.957.822)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.703.177.303)	(4.327.957.822)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(971)	(308)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(971)	(308)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Trần Thanh Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(14.703.177.303)	(4.327.957.822)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9;10	5.693.665.889	5.585.076.526
- Các khoản dự phòng	03	5.917.554.828	5.063.527.677
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	143.979.426	(23.718.596)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	601.885.635	(1.922.229.318)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	465.263.422	1.561.493.242
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.880.828.103)	5.936.191.709
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.102.812.009	5.296.487.552
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.082.045.036	9.484.897.978
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	755.714.402	(1.591.201.082)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	979.365.359	481.297.241
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(1.485.680.745)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(481.582.973)	(1.590.121.011)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(125.000.000)	(650.657.878)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.17	(679.615.400)	(796.380.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.267.229.585</b>	<b>16.570.513.709</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21 V.11	(457.328.525)	(2.328.898.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	303.416.432	298.750.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000)	(1.060.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	612.354.555	1.078.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	750.200.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.742.386.290	679.775.112
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.150.828.752</b>	<b>(4.332.173.671)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	19.764.117.793	81.426.313.288
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(28.795.633.167)	(97.245.718.387)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.569.872.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(9.031.515.374)</u>	<u>(23.389.277.599)</u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>4.386.542.963</b>	<b>(11.150.937.561)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V.1	<b>8.958.328.543</b>	<b>20.246.539.314</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(166.881.764)	(137.273.210)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	<u><b>13.177.989.742</b></u>	<u><b>8.958.328.543</b></u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Trần Thanh Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty miễn nhiệm 3/8 thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27 tháng 4 năm 2021. Công ty có sự thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 05 tháng 5 năm 2021, đồng thời 2 lần thay đổi Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật vào ngày 07 tháng 5 năm 2021 và ngày 09 tháng 12 năm 2021.

Doanh thu và lợi nhuận gộp năm nay sụt giảm mạnh so với năm trước, do lượng khách hàng giảm mạnh. Lợi nhuận sau thuế tiếp tục bị âm 14.703.177.303 VND (năm trước: âm 4.327.957.822 VND).

#### 6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 97/48 khu phố 5, Đường Số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 188 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 263 nhân viên). Số lượng nhân viên giảm trong năm là 75 nhân viên, do cắt giảm nhân sự ở bộ phận kinh doanh, khối công nghệ và kho bãi.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu..

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

#### *Chi phí bảo hiểm*

Tiền bảo hiểm trả trước cho thời gian bảo hiểm mà Công ty được hưởng. Tiền bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 13. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	93.627.989	145.927.302
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.084.361.753	6.812.401.241
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.177.989.742</b>	<b>8.958.328.543</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Là 80.000 cổ phần CTCP Tập đoàn FLC, có giá trị ghi sổ là 1.485.680.745 VND (18.571 VND/cổ phần), mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2021 là 1.440.000.000 VND. Ngày 13/01/2022, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần trên với giá bán 19.706 VND/cổ phần.

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn – Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(i)</sup>	3.000.000.000	3.000.000.000
Dài hạn – Trái phiếu <sup>(ii)</sup>	640.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.640.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

<sup>(i)</sup> Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,7%/năm, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng, đã được cầm cố cho khoản vay tại cùng ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành là 26/9/2019, đã được cầm cố cho khoản vay tại cùng ngân hàng.

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	9.500.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>34.327.924.662</b>	<b>(4.255.303.269)</b>	<b>34.327.924.662</b>	<b>(657.679.412)</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh	786.585.670	-	786.585.670	(43.816.734)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.498.188.992	-	1.498.188.992	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	81.600.000	-	81.600.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	300.000.000	(13.862.678)	300.000.000	(13.862.678)
Công ty Cổ phần Cảng Mipeco	29.275.500.000	(3.641.440.591)	29.275.500.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco	886.050.000	-	886.050.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.827.924.662</b>	<b>(4.255.303.269)</b>	<b>34.327.924.662</b>	<b>(657.679.412)</b>

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Hải Minh	62.417	0,47%	62.417	0,47%
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	200.001	0,41%	200.001	0,41%
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	9.000	18,77%	9.000	18,77%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	60.000	18,18%	60.000	18,18%
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	4.800	0,11%	4.800	0,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	30.000	15,00%	30.000	15,00%
Công ty Cổ phần Cảng Mipeco <sup>(i)</sup>	1.875.000	3,00%	1.875.000	3,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco <sup>(ii)</sup>		55,38%		55,38%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi <sup>(iii)</sup>	95.000	48%		

- (i) **Công ty Cổ phần Cảng Mipeco ("Mipeco"):** Tại ngày 31/12/2021, Công ty nắm giữ 1.875.000 cổ phần Mipeco, trong đó, 900.000 cổ phần đầu tư bằng vốn nhận ủy thác đầu tư của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương, tương đương 15.315.300.000 VND (Xem thuyết minh V.16); 975.000 cổ phần đầu tư bằng vốn của Công ty, tương đương 13.960.200.000 VND.

- (ii) **Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200790147 ngày 27/02/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 22/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ("Container Maserco") có vốn điều lệ 1.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Container Maserco 886.050.000 VND, chiếm 55,38% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm). Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên của Container Maserco số 01/BBTV ngày 20/12/2020, Công ty đã chuyển quyền biểu quyết, quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bổ nhiệm và bãi miễn các thành viên Hội đồng thành viên, quyền bỏ đa số phiếu trong các cuộc họp của Container Maserco cho ông I Wasaki Yoshinobu. Công ty chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó, khoản đầu tư này được phân loại là "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác".



# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“Motachi”): Ngày 06/9/2021, Công ty nhận chuyển nhượng 95.000 cổ phần Motachi với giá mua bằng mệnh giá (100.000 VND/CP) từ khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais theo Hợp đồng số 24/UTMBCP ngày 12/11/2014 (Xem thuyết minh V.6a).

### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Hải Minh	62.417	1.167.197.900	62.417	742.762.300
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	200.001	13.560.067.800	200.001	3.580.017.900
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	4.800	108.000.000	4.800	84.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các đơn vị được xem xét dự phòng trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được kiểm toán, bao gồm: Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương, Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais, Công ty Cổ phần Đầu tư MLU, Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	657.679.412	214.141.976
Trích lập dự phòng bổ sung	3.641.440.591	545.197.342
Hoàn nhập dự phòng	(43.816.734)	(101.659.906)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.255.303.269</b>	<b>657.679.412</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	14.023.604.060	14.334.522.703
Công ty TNHH Goldstar Marine	13.202.819.021	12.966.133.980
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát	-	3.543.444.695
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tự Thành	-	3.297.459.144
Maersk line a/s	3.923.282.789	6.613.124.057
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	1.976.309.801	1.603.990.553
Công ty TNHH Cảng Phước Long	1.215.789.998	2.602.136.953
Các khách hàng khác	7.775.072.912	15.726.552.113
<b>Cộng</b>	<b>42.116.878.581</b>	<b>60.687.364.198</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Duyên Hải	-	1.131.317.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Phương Mai (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	60.134.133	1.224.581.017
<b>Cộng</b>	<b>3.060.134.133</b>	<b>5.355.898.017</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (\*) Ứng trước theo Hợp đồng Dịch vụ tư vấn đầu tư ngày 08/06/2018 để đối tác thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, đại diện thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết để Công ty được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho thuê đất với diện tích từ 10 đến 11 ha để đầu tư kho bãi và dịch vụ cảng hàng hải tại P. Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện dịch vụ kho bãi, logistics và dịch vụ cảng.

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>4.028.127</b>	-	<b>1.789.846.064</b>	<b>(1.430.000.000)</b>
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT - Tạm ứng	-	-	1.430.000.000	(1.430.000.000)
Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc - Tạm ứng	-	-	40.800.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc - Phải thu tiền thẻ Visa	4.028.127	-	319.046.064	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.448.837.293</b>	<b>(175.844.405)</b>	<b>24.038.310.081</b>	<b>(793.113.882)</b>
Vật tư thiếu chờ xử lý	24.848.280	-	24.848.280	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi <sup>(i)</sup>	1.132.754.250	-	1.222.754.250	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais (xem thuyết minh V.2c)	-	-	9.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU <sup>(ii)</sup>	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Teng Lay Dry Port Co., Ltd <sup>(iv)</sup>	157.286.723	-	194.906.760	-
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco - Lãi cho vay	333.311.562	-	333.311.562	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect	-	-	1.077.274.500	-
Tạm ứng	1.298.433.990	-	1.441.034.364	-
Tạm tính doanh thu	1.848.335.725	-	1.194.099.702	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	25.765.041	-	33.502.029	-
Ký cược, ký quỹ	345.852.120	-	202.108.000	-
Công ty Cổ phần Hải Minh - Cổ tức được chia	-	-	62.417.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	282.249.602	(175.844.405)	1.065.226.790	(793.113.882)
<b>Cộng</b>	<b>12.452.865.420</b>	<b>(175.844.405)</b>	<b>25.828.156.145</b>	<b>(2.223.113.882)</b>

- (i) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi về lãi đặt cọc, lương và BHXH, tiền ăn ca chi hộ.
- (ii) Tạm ứng theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ ngày 13/9/2016 về việc tìm kiếm và cung cấp hồ sơ về các dự án đầu tư kho bãi tại TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, thời hạn thực hiện hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Đầu tư MLU chưa hoàn thành công việc theo thỏa thuận hợp đồng.
- (iv) Vật tư xuất cho Teng Lay Dry Port Co., Ltd theo hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ giữa Công ty và Teng Lay Dry Port Co., Ltd ngày 03/3/2013 để cùng cung cấp dịch vụ sửa chữa container tại cảng/bãi Teng Lay tại Phum Chumpu Voan, Phnom Penh, Cambodia và Công ty được hưởng 49% lợi nhuận từ hoạt động này, thời hạn thực hiện hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 01/10/2013. Các bên tự theo dõi doanh thu, chi phí phát sinh và cùng xác định kết quả hợp tác kinh doanh định kỳ 6 tháng/1 lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (*)	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	53.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.053.200.000</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Theo Hợp đồng 05-15, Công ty góp vốn bằng xe nâng, máy móc thiết bị và các trang thiết bị phục vụ sản xuất; MTC góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện, trong các năm từ 2015 đến 2020, hai bên đã 08 lần ký bổ sung các phụ lục hợp đồng. Thực hiện các Phụ lục 01 và 02 ký kết năm 2015, Công ty đã ứng vốn cho MTC, số tiền 35 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng. Hai bên thống nhất trong giai đoạn đầu tỷ lệ phân chia lợi nhuận giữa Công ty và MTC là 70/30.

Theo Phụ lục số 08 ngày 31/12/2020 (Phụ lục hợp đồng mới nhất và đang có hiệu lực), 2 bên sẽ hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi.

Ngày 27/8/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14.08/NQ-HĐQT về việc giao cho Ông Nguyễn Văn Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc đàm phán lại với MTC về Phụ lục số 08 về phương thức hợp tác kinh doanh trong thời gian tới.

Trong năm 2021, Công ty chưa nhận được kết quả được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Bên liên quan</b>			<b>1.430.000.000</b>	<b>(1.430.000.000)</b>
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - TV HĐQT	-	-	1.430.000.000	(1.430.000.000)
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>13.824.232.923</b>	<b>(12.112.145.609)</b>	<b>27.589.823.323</b>	<b>(23.765.124.960)</b>
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát	-	-	3.543.444.695	(3.543.444.695)
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tụ Thành	-	-	3.297.459.144	(3.297.459.144)
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng	-	-	1.892.531.640	(1.892.531.640)
Công ty TNHH Goldstar Marine	13.202.819.021	(11.501.301.204)	12.966.133.980	(9.641.435.617)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais	400.000.000	(400.000.000)	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải	-	-	1.131.317.000	(1.131.317.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	221.413.902	(210.844.405)	4.258.936.864	(4.258.936.864)
<b>Cộng</b>	<b>13.824.232.923</b>	<b>(12.112.145.609)</b>	<b>29.019.823.323</b>	<b>(25.195.124.960)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.195.124.960	20.575.134.719
Trích lập dự phòng bổ sung	2.319.930.971	4.621.675.241
Sử dụng dự phòng (*)	<u>(15.402.910.322)</u>	<u>(1.685.000)</u>
Số cuối năm	<u><b>12.112.145.609</b></u>	<u><b>25.195.124.960</b></u>

(\*) Ngày 27/8/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14.08/NQ-HĐQT, theo đó, Hội đồng quản trị quyết định xóa các khoản nợ khó đòi do Công ty đã trích dự phòng đầy đủ và đã quyết toán với cơ quan thuế trước năm 2019, số tiền 11.996.061.646 VND; và xóa nợ đối với các khoản Công ty kiểm toán đề nghị trích dự phòng hồi tố trên báo cáo, số tiền 3.406.847.677 VND.

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	267.369.322	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.615.560.768	-	15.401.267.006	-
Công cụ, dụng cụ	939.273.598	-	1.521.557.227	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	683.081.273	-	2.045.165.914	-
Thành phẩm (*)	1.916.391.503	-	-	-
Hàng gửi đi bán	41.197.411	-	42.190.120	-
Cộng	<u><b>13.195.504.553</b></u>	<u>-</u>	<u><b>19.277.549.589</b></u>	<u>-</u>

(\*) Thành phẩm của Công ty là nguyên vật liệu đã qua gia công xử lý cắt, hàn, đục lỗ.

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	132.284.489	363.125.805
Chi phí bảo hộ lao động	66.259.055	116.304.431
Chi phí bảo hiểm	29.906.371	49.452.832
Chi phí sửa chữa	10.500.000	11.967.014
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>31.557.674</u>	<u>45.445.007</u>
Cộng	<u><b>270.507.589</b></u>	<u><b>586.295.089</b></u>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	32.547.202.354	4.836.463.120	29.211.469.531	242.786.000	156.093.572	66.994.014.577
Đầu tư XD/CB hoàn thành	736.966.871	-	-	-	-	736.966.871
Thanh lý	(2.189.404.974)	-	-	-	-	(2.189.404.974)
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.094.764.251</b>	<b>4.836.463.120</b>	<b>29.211.469.531</b>	<b>242.786.000</b>	<b>156.093.572</b>	<b>65.541.576.474</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.255.810.910	2.689.332.149	2.838.383.423	71.796.000	-	9.855.322.482
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	14.597.634.751	3.798.749.586	18.085.829.507	84.066.357	46.828.072	36.613.108.273
Khấu hao trong năm	2.206.224.804	271.427.098	2.772.115.486	30.477.143	15.609.358	5.295.853.889
Thanh lý	(689.145.105)	-	-	-	-	(689.145.105)
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.114.714.450</b>	<b>4.070.176.684</b>	<b>20.857.944.993</b>	<b>114.543.500</b>	<b>62.437.430</b>	<b>41.219.817.057</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	17.949.567.603	1.037.713.534	11.125.640.024	158.719.643	109.265.500	30.380.906.304
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.980.049.801</b>	<b>766.286.436</b>	<b>8.353.524.538</b>	<b>128.242.500</b>	<b>93.656.142</b>	<b>24.321.759.417</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng		-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý		-	-	-	-	-

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	633.632.000	2.029.060.000	2.662.692.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>633.632.000</b>	<b>2.029.060.000</b>	<b>2.662.692.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		40.000.000	40.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	437.812.000	437.812.000
Khấu hao trong năm	-	397.812.000	397.812.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>835.624.000</b>	<b>835.624.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	633.632.000	1.591.248.000	2.224.880.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>633.632.000</b>	<b>1.193.436.000</b>	<b>1.827.068.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Phần mềm PERP	1.068.000.000	-	-	1.068.000.000
Mở rộng xưởng tại Quận 9	200.786.068	30.000.000	(230.786.068)	-
Xây dựng xưởng Bình Chiểu	78.852.278	427.328.525	(506.180.803)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.347.638.346</b>	<b>457.328.525</b>	<b>(736.966.871)</b>	<b>1.068.000.000</b>

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco	965.641.270	1.343.201.550
Công ty Cổ phần Kim Khí Bắc Việt	2.484.378.506	1.778.865.290
Teng Lay Dry Port Co., Ltd	3.388.039.585	1.348.561.929
Các nhà cung cấp khác	4.321.217.568	6.346.910.837
<b>Cộng</b>	<b>11.159.276.929</b>	<b>10.817.539.606</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	914.740.343	-	3.986.146.951	(4.359.840.677)	541.046.617	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(125.000.000)	-	125.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	56.097.409	21.615.655	182.201.567	(240.276.473)	5.188.044	28.781.196
Tiền thuê đất	850.206.000	-	3.437.319.875	(3.990.923.825)	296.602.050	-
Thuế môn bài	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.821.043.752</b>	<b>21.615.655</b>	<b>7.606.668.393</b>	<b>(8.717.040.975)</b>	<b>842.836.711</b>	<b>153.781.196</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu cung cấp nước ngoài	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.703.177.303)	(4.327.957.822)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.971.865.356	4.618.767.427
Thuế bị phạt, bị truy thu	55.716	1.658.684
Chi phí không có hóa đơn, chứng từ	323.685.818	18.000.000
Các khoản trích dự phòng không có chứng từ hợp lệ	2.319.930.971	4.619.990.241
Lãi CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm trước	158.154.708	-
Lỗ CLTG cuối kỳ của tiền năm nay	166.881.764	137.273.210
Lỗ CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm nay	3.156.379	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản điều chỉnh giảm	137.273.210	158.154.708
<i>Lỗ CLTG cuối kỳ của tiền năm trước</i>	137.273.210	
<i>Lãi CLTG cuối kỳ của công nợ phải thu năm trước</i>	-	158.154.708
Thu nhập chịu thuế	(11.868.585.157)	290.809.605
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(380.001.000)	(386.877.333)
Thu nhập tính thuế	(12.248.586.157)	(96.067.728)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- 173 Ngô Quyền, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng	13.547,2 m <sup>2</sup>
- 8A đường vòng Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng	7.904 m <sup>2</sup>
- 80 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	400 m <sup>2</sup>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	16.319.551
Chi phí trích trước tạm tính nguyên giá phần mềm	360.312.000	360.312.000
Maserco Myanmar - Tạm tính chi phí dịch vụ	833.022.648	233.996.480
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	27.619.409	21.657.757
<b>Cộng</b>	<b>1.220.954.057</b>	<b>632.285.788</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	132.538.342	120.791.442
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	275.907.072	138.539.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	256.937.200	594.267.497
<i>Trong đó: Phân chia hoạt động HTKD</i>	-	337.330.297
<i>Lương và BHXH chi hộ</i>	256.937.200	256.937.200
Cổ tức phải trả	3.027.949.000	3.027.949.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương - Nhận ủy thác mua cổ phần CTCP Cảng Mipeco (*)	15.315.300.000	15.315.300.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải - Đặt cọc thuê bãi	316.800.000	316.800.000
Teng lay Cambodia - Mượn vật tư	3.692.001.369	2.261.036.090
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	584.847.820	724.916.183
<b>Cộng</b>	<b>23.602.280.803</b>	<b>22.499.599.212</b>

(\*) Công ty (Bên B) nhận ủy thác của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương (Bên A) để mua 900.000 cổ phần CTCP Cảng Mipeco với giá mua 17.017 VND/CP (xem Thuyết minh V.2). Theo hợp đồng, số cổ phần này sẽ được chuyển quyền cho Bên A đứng tên vào thời điểm thích hợp do

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hai bên thỏa thuận, phù hợp với chính sách của Cảng Mípec. Trong thời gian chưa chuyển quyền, Bên A ủy quyền cho Bên B đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông của Cảng Mípec. Bên A được hưởng mọi quyền lợi phát sinh của số cổ phần này kể từ khi hoàn tất việc thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng.

### 16. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hải Phòng	-	4.633.452.379
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hải Phòng	-	2.211.613.974
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	-	3.671.546.987
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect - Vay margin (*)	1.485.097.966	-
<b>Cộng</b>	<b>1.485.097.966</b>	<b>10.516.613.340</b>

(\*) Khoản vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect để mua 80.000 cổ phần CTCP Tập đoàn FLC.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.516.613.340	26.336.018.439
Số tiền vay phát sinh	19.764.117.793	81.426.313.288
Số tiền vay đã trả	(28.795.633.167)	(97.245.718.387)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.485.097.966</b>	<b>10.516.613.340</b>

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	978.426.986	570.186.377
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	334.321.990	1.204.621.409
Chi quỹ	(679.615.400)	(796.380.800)
<b>Số cuối năm</b>	<b>633.133.576</b>	<b>978.426.986</b>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	151.397.450.000	(643.572.900)	14.117.746.134	22.862.255	6.023.470.326	170.917.955.815
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(4.327.957.822)	(4.327.957.822)
Trích lập các quỹ	-	-	240.924.282	-	(1.445.545.691)	(1.204.621.409)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.597.821.500)	(10.597.821.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>151.397.450.000</b>	<b>(643.572.900)</b>	<b>14.358.670.416</b>	<b>22.862.255</b>	<b>(10.347.854.687)</b>	<b>154.787.555.084</b>
Số dư đầu năm nay	151.397.450.000	(643.572.900)	14.358.670.416	22.862.255	(10.347.854.687)	154.787.555.084
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(14.703.177.303)	(14.703.177.303)
Trích lập các quỹ	-	-	334.321.990	-	(668.643.980)	(334.321.990)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>151.397.450.000</b>	<b>(643.572.900)</b>	<b>14.692.992.406</b>	<b>22.862.255</b>	<b>(25.719.675.970)</b>	<b>139.750.055.791</b>

#### 18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.139.745	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.139.745	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.139.745	15.139.745



# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	334.321.990
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (30% lợi nhuận sau thuế)	334.321.990

### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 122.630,89 USD (số đầu năm là 126.122,33 USD).

#### 19b. Nợ khó đòi đã xử lý

Là các khoản nợ phải thu lâu ngày, đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi. Chi tiết bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - TV HĐQT	1.430.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát	3.543.444.695	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tự Thành	3.297.459.144	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng	1.892.531.640	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải	1.131.317.000	-
Các tổ chức, các nhân khác	4.108.157.843	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.402.910.322</u></b>	<b><u>-</u></b>

15  
NH  
NGIH  
EM  
VU  
KHU  
HÀ  
LO  
A  
B

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Toàn bộ doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ cho các khách hàng không phải là bên liên quan.

#### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ.

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.447.185	245.926.968
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.471.757	9.607.082
Lãi tiền cho vay	9.347.207	77.212.306
Lãi đầu tư trái phiếu	79.162.410	46.448.603
Cổ tức, lợi nhuận được chia	380.001.000	386.877.333
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	23.718.596
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	947.885.332
<b>Cộng</b>	<b><u>607.429.559</u></b>	<b><u>1.737.676.220</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	465.263.422	1.561.493.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	143.979.426	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	3.597.623.857	443.537.436
Chi phí khác	-	2.796.389
<b>Cộng</b>	<b><u>4.206.866.705</u></b>	<b><u>2.007.827.067</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	210.122.903	282.507.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.569.316	221.368.248
Các chi phí khác	25.801.043	5.490.614
<b>Cộng</b>	<b><u>509.493.262</u></b>	<b><u>509.366.662</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.112.060.497	9.183.623.265
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.076.167	35.565.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.109.290.058	1.079.058.867
Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	6.038.000
Dự phòng phải thu khó đòi	2.319.930.971	4.619.990.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	930.639.510	917.431.640
Tiền thuê đất	1.213.031.300	1.661.598.900
Các chi phí khác	1.227.780.546	1.136.591.782
<b>Cộng</b>	<b><u>13.919.809.049</u></b>	<b><u>18.639.898.572</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	217.878.776
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.944.600	3.072.000
Vật tư thu hồi	204.266.712	-
Thu đền bù trừ qua lương	22.085.153	12.497.699
Tiền phạt trách nhiệm nhân viên	5.130.000	20.416.400
Xử lý công nợ	1.804.143	179.752.182
Thu nhập khác	64.731.643	7.954.937
<b>Cộng</b>	<b><u>305.962.251</u></b>	<b><u>441.571.994</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.196.843.437	-
Thu thanh lý	303.416.432	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	(1.500.259.869)	-
Lỗ thanh lý công cụ, dụng cụ	22.451.193	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	55.716	1.658.684
Vật tư hỏng không thu hồi được	36.018.562	-
Xử lý công nợ	99.464.225	1.939.534
Chi phí khác	324.938.079	20.813.613
<b>Cộng</b>	<b><u>1.679.771.212</u></b>	<b><u>24.411.831</u></b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(14.703.177.303)	(4.327.957.822)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(334.321.990)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(14.703.177.303)	(4.662.279.812)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.139.745	15.139.745
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(971)</u></b>	<b><u>(308)</u></b>

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.143.638.211	49.810.947.485
Chi phí nhân công	30.251.883.562	41.082.505.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.693.665.889	5.585.076.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.381.056.288	8.980.106.569
Chi phí khác	10.566.291.937	11.508.555.250
<b>Cộng</b>	<b><u>98.036.535.887</u></b>	<b><u>116.967.191.223</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Phụ cấp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>				
Ông Nguyễn Văn Cường - Chủ tịch HĐQT (từ 05/05/2021) /Giám đốc (đến 04/05/2021)	275.332.000	55.000.000	5.000.000	335.332.000
Ông Tạ Mạnh Cường - Chủ tịch HĐQT (đến 04/05/2021) /Thành viên HĐQT (từ 05/05/2021)	82.628.000	55.000.000	1.560.000	139.188.000
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT	34.000.000	55.000.000	500.000	89.500.000
Ông Lê Phúc Tùng - Thành viên HĐQT	-	55.000.000	-	55.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung - Thành viên HĐQT	-	55.000.000	-	55.000.000
Ông Trần Việt Quân - Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021)	-	37.500.000	-	37.500.000
Ông Đặng Mỹ Dương - Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021) /Phó Giám đốc	102.899.000	20.000.000	24.535.000	147.434.000
Ông Nguyễn Đỗ Đạt - Thành viên HĐQT (đến 27/4/2021)	-	20.000.000	-	20.000.000
Bà Trần Thị Kim Ngân - Giám đốc (từ 05/05/2021 đến 09/12/2021)	80.807.300	-	-	80.807.300
Bà Trần Thanh Nhân - Giám đốc (từ 09/12/2021) /Phó Giám đốc (đến 8/12/2021)	197.398.000	-	4.840.000	202.238.000
Bà Lê Thị Hoàng Trinh - Trưởng BKS	-	27.500.000	-	27.500.000
Bà Vũ Thị Hậu - Kiểm soát viên	-	27.500.000	-	27.500.000
Bà Trịnh Thị Minh Phương - Kiểm soát viên (đến 27/4/2021)	-	10.000.000	-	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>773.064.300</b>	<b>417.500.000</b>	<b>36.435.000</b>	<b>1.226.999.300</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Phụ cấp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm trước</b>				
Ông Tạ Mạnh Cường - Chủ tịch HĐQT	170.109.500	60.000.000	1.740.000	231.849.500
Ông Nguyễn Văn Cường - Thành viên HĐQT/Giám đốc	263.098.300	60.000.000	5.080.000	328.178.300
Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - Thành viên HĐQT	114.000.000	60.000.000	-	174.000.000
Ông Lê Phúc Tùng - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
Ông Trần Việt Quân - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
Ông Đặng Mỹ Dương - Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	200.086.900	60.000.000	48.720.000	308.806.900
Ông Nguyễn Đỗ Đạt - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
Bà Trần Thanh Nhân - Phó Giám đốc	176.232.200	-	16.972.100	193.204.300
Bà Lê Thị Hoàng Trinh - Trưởng BKS	41.580.000	30.000.000	5.940.000	77.520.000
Bà Vũ Thị Hậu - Kiểm soát viên	-	30.000.000	-	30.000.000
Bà Trịnh Thị Minh Phương - Kiểm soát viên	-	30.000.000	-	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>965.106.900</b>	<b>570.000.000</b>	<b>78.452.100</b>	<b>1.613.559.000</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hoá, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Trong đó, các chỉ tiêu có sai sót đã được điều chỉnh hoặc được trình bày/phân loại lại (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Báo cáo tài chính*).

Các sai sót trọng yếu bao gồm:

- Một số khoản nợ phải thu quá hạn lâu ngày và khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa được trích lập dự phòng đầy đủ tại ngày 31/12/2020;
- Một số hàng hóa đã bán nhưng vẫn được trình bày trong giá trị hàng tồn kho tại 31/12/2020;
- Phần mềm PERP đã được đưa vào sử dụng nhưng chưa kết chuyển tăng tài sản cố định vô hình và chưa được trích khấu hao trong năm 2020;
- Một số khoản công nợ chưa được trình bày, phân loại đúng khoản mục tại 31/12/2020.

## 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Giám đốc



Trần Thanh Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**  
Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh**

**Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu	Điều chỉnh	Số liệu	Ghi chú
		trước điều chỉnh	các sai sót	sau điều chỉnh	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>124.335.166.549</b>	<b>(25.027.822.667)</b>	<b>99.307.343.882</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9.277.542.907</b>	<b>(319.214.364)</b>	<b>8.958.328.543</b>	
1. Tiền	111	7.277.542.907	(319.214.364)	6.958.328.543	(ii)
2. Các khoản tương đương tiền	112	2.000.000.000	-	2.000.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>80.263.149.168</b>	<b>(12.799.594.162)</b>	<b>67.463.555.006</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	60.620.066.741	67.297.457	60.687.364.198	(i)
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.542.770.373	(186.872.356)	5.355.898.017	(i)
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	287.261.606	500.000.000	787.261.606	(ii)
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	25.809.112.094	19.044.051	25.828.156.145	(ii)
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(11.996.061.646)	(13.199.063.314)	(25.195.124.960)	(v)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>31.224.561.831</b>	<b>(11.947.012.242)</b>	<b>19.277.549.589</b>	
1. Hàng tồn kho	141	31.224.561.831	(11.947.012.242)	19.277.549.589	(v)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>569.912.643</b>	<b>37.998.101</b>	<b>607.910.744</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	548.296.988	37.998.101	586.295.089	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21.615.655	-	21.615.655	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>105.333.544.984</b>	<b>(620.695.443)</b>	<b>104.712.849.541</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>35.053.200.000</b>	<b>-</b>	<b>35.053.200.000</b>	
6. Phải thu dài hạn khác	216	35.053.200.000	-	35.053.200.000	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>31.014.538.304</b>	<b>1.591.248.000</b>	<b>32.605.786.304</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	30.380.906.304	-	30.380.906.304	
- Nguyên giá	222	66.994.014.577	-	66.994.014.577	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(36.613.108.273)	-	(36.613.108.273)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	633.632.000	1.591.248.000	2.224.880.000	
- Nguyên giá	228	673.632.000	1.989.060.000	2.662.692.000	(iii)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(40.000.000)	(397.812.000)	(437.812.000)	(v)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>2.976.386.346</b>	<b>(1.628.748.000)</b>	<b>1.347.638.346</b>	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.976.386.346	(1.628.748.000)	1.347.638.346	
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>35.215.442.592</b>	<b>(545.197.342)</b>	<b>34.670.245.250</b>	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	34.327.924.662	-	34.327.924.662	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(112.482.070)	(545.197.342)	(657.679.412)	(v)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.000.000.000	-	1.000.000.000	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>1.073.977.742</b>	<b>(37.998.101)</b>	<b>1.035.979.641</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.073.977.742	(37.998.101)	1.035.979.641	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>229.668.711.533</b>	<b>(25.648.518.110)</b>	<b>204.020.193.423</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh (tiếp theo)****Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>48.914.391.677</b>	<b>318.246.662</b>	<b>49.232.638.339</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>48.914.391.677</b>	<b>318.246.662</b>	<b>49.232.638.339</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.736.938.505	80.601.101	10.817.539.606	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10.305.702	(176.000)	10.129.702	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.943.532.178	(122.488.426)	1.821.043.752	
4. Phải trả người lao động	314	1.956.999.953	-	1.956.999.953	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	37.977.308	594.308.480	632.285.788	(iv)
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.733.597.705	(233.998.493)	22.499.599.212	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10.516.613.340	-	10.516.613.340	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	978.426.986	-	978.426.986	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>180.754.319.856</b>	<b>(25.966.764.772)</b>	<b>154.787.555.084</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>180.754.319.856</b>	<b>(25.966.764.772)</b>	<b>154.787.555.084</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	151.397.450.000	-	151.397.450.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	151.397.450.000	-	151.397.450.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	(643.572.900)	-	(643.572.900)	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	14.358.670.416	-	14.358.670.416	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22.862.255	-	22.862.255	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.618.910.085	(25.966.764.772)	(10.347.854.687)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	421a	15.618.910.085	(25.966.764.772)	(10.347.854.687)	(v)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>229.668.711.533</b>	<b>(25.648.518.110)</b>	<b>204.020.193.423</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh (tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	115.712.401.321	-	115.712.401.321	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	115.712.401.321	-	115.712.401.321	
4. Giá vốn hàng bán	11	101.038.103.225	-	101.038.103.225	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	14.674.298.096	-	14.674.298.096	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.866.783.000	(129.106.780)	1.737.676.220	
7. Chi phí tài chính	22	1.591.736.505	416.090.562	2.007.827.067	(vi)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	1.462.629.725	98.863.517	1.561.493.242	
8. Chi phí bán hàng	25	509.366.662	-	509.366.662	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.620.411.331	5.019.487.241	18.639.898.572	(vi)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	819.566.598	(5.564.684.583)	(4.745.117.985)	
11. Thu nhập khác	31	523.693.218	(82.121.224)	441.571.994	
12. Chi phí khác	32	106.364.755	(81.952.924)	24.411.831	
13. Lợi nhuận khác	40	417.328.463	(168.300)	417.160.163	(v)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.236.895.061	(5.564.852.883)	(4.327.957.822)	(vi)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	122.488.426	(122.488.426)	-	(v)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	<u>1.114.406.635</u>	<u>(5.442.364.457)</u>	<u>(4.327.957.822)</u>	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	<u>74</u>	<u>(382)</u>	<u>(308)</u>	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	<u>74</u>	<u>(382)</u>	<u>(308)</u>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh (tiếp theo)****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.236.895.061	(5.564.852.883)	(4.327.957.822)	(vi)
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.187.264.526	397.812.000	5.585.076.526	(v)
- Các khoản dự phòng	03	(103.344.906)	5.166.872.583	5.063.527.677	(vi)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(41.187.263)	17.468.667	(23.718.596)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(981.609.878)	(940.619.440)	(1.922.229.318)	
- Chi phí lãi vay	06	1.561.493.242	-	1.561.493.242	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.859.510.782	(923.319.073)	5.936.191.709	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.442.708.100	853.779.452	5.296.487.552	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.484.897.978	-	9.484.897.978	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.573.718.217)	(17.482.865)	(1.591.201.082)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	481.297.241	-	481.297.241	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.590.121.011)	-	(1.590.121.011)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(650.657.878)	-	(650.657.878)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(796.380.800)	-	(796.380.800)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.657.536.195</b>	<b>(87.022.486)</b>	<b>16.570.513.709</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.328.898.783)	-	(2.328.898.783)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	298.750.000	-	298.750.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(565.660.823)	(494.339.177)	(1.060.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	278.399.217	799.600.783	1.078.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.750.000.000)	-	(3.750.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	879.589.168	(129.389.168)	750.200.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c	27	687.041.004	(7.265.892)	679.775.112	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.500.780.217)</b>	<b>168.606.546</b>	<b>(4.332.173.671)</b>	
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
3. Tiền thu từ đi vay	33	81.426.627.527	(314.239)	81.426.313.288	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97.246.032.626)	314.239	(97.245.718.387)	
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.569.872.500)	-	(7.569.872.500)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(23.389.277.599)</b>	<b>-</b>	<b>(23.389.277.599)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(11.232.521.621)</b>	<b>81.584.060</b>	<b>(11.150.937.561)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>20.518.230.958</b>	<b>(271.691.644)</b>	<b>20.246.539.314</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.166.430)	(129.106.780)	(137.273.210)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>9.277.542.907</b>	<b>(319.214.364)</b>	<b>8.958.328.543</b>	(ii)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh (tiếp theo)

### Ghi chú:

(i)	<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Bù trừ dư Nợ/Có TK 331 cùng 1 đối tượng	1.672.800
	Phân loại số dư ứng trước sang đặt cọc	200.000.000
	Phân loại số dư ứng trước âm sang phải trả người bán	(82.273.901)
	Phân loại công nợ bán thép phục vụ lên đà tàu	67.473.457
	<b>Cộng</b>	<b>186.872.356</b>
(ii)	<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Điều chỉnh số dư thẻ Visa tài khoản cá nhân đang phản ánh ở số dư “Tiền” về “Phải thu khác”	319.046.064
	Phân loại số dư ứng trước sang đặt cọc	200.000.000
	Phân loại lại khoản cho vay	(500.000.000)
	Hủy bù trừ phải thu/phải trả khác	(2.013)
	<b>Cộng</b>	<b>19.044.051</b>
(iii)	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trích trước chi phí phần mềm PERP khi đưa vào sử dụng	360.312.000
	Kết chuyển phần mềm PERP đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 31/12/2019	(1.989.060.000)
	<b>Cộng</b>	<b>(1.628.748.000)</b>
(iv)	<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Phân loại chi phí trích trước của Maserco Myanmar	233.996.480
	Trích trước chi phí phần mềm PERP khi đưa vào sử dụng	360.312.000
	<b>Cộng</b>	<b>594.308.480</b>
(v)	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi lũy kế đến 31/12/2020	13.199.063.314
	Trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế đến 31/12/2020	545.197.342
	Ghi nhận bổ sung chi phí vật tư từ năm 2017 đến 2019	11.947.012.242
	Bổ sung chi phí khấu hao phần mềm PERP năm 2020	397.812.000
	Điều chỉnh số dư ngân hàng Agribank	168.300
	Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020	(122.488.426)
	<b>Cộng</b>	<b>25.966.764.772</b>
(vi)	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn năm 2020	545.197.342
	Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi năm 2020	4.621.675.241
	Bổ sung chi phí khấu hao phần mềm PERP 6 tháng đầu của năm 2020	397.812.000
	Điều chỉnh số dư ngân hàng Agribank	168.300
	<b>Cộng</b>	<b>5.564.852.883</b>
(vii)	Ảnh hưởng của các điều chỉnh đến các chỉ tiêu liên quan.	